TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 935/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án án nhân dân quận Gò Vấp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Vi P, sinh 1964; Cư trú tại: Số D đường số H, khu dân cư C, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thuận P1, sinh năm 1958; Cư trú tại: Số D đường số H, khu dân cư C, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Vi P trình bày: Bà và ông P đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1987 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội, quá trình chung sống bà và ông P có 02 con chung là chị Nguyễn Thùy Phương O, sinh năm 1990 (đã trưởng thành) và anh Nguyễn Lê Duy K, sinh năm 1993 (đã trưởng thành). Bà P trình bày cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể vào năm 2006 ông P có quan hệ tình cảm với một người bạn của bà và bị bà phát hiện, ông P lúc đó đã hối hận và mong muốn bà tha thứ nên vì con cái và vẫn còn tình cảm với ông P nên bà đã chấp

nhận tha thứ cho ông P. Sau đó ông P vẫn tiếp tục có quan hệ bên ngoài với nhiều người phụ nữ khác, có những thời điểm ông P ra ngoài sống với người phụ nữ khác một thời gian dài và thỉnh thoảng mới về nhà một vài ngày. Bà P cho rằng bà bị ông P phản bội nhiều lần nên giờ bà không còn tin tưởng sự chung thủy của ông P, ngoài ra trong cuộc sống hôn nhân bà còn bị ông P mạt sát và xúc phạm nhiều lần. Đến thời điểm này, bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông P. Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, bà P đã suy nghĩ rất nhiều và không phải là suy nghĩ nhất thời của bà. Năm nay bà đã 60 tuổi, chỉ chỉ có nguyện vọng được ly hôn với ông P để ổn định cuộc và vui vẻ bên con cháu chứ không có nguyện vọng gì khác; Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thuận P1 trình bày: Ông và bà P1 đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1987. Quá trình chung sống, ông và bà P1 có 02 con chung và đều đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập. Trong cuộc sống gia đình, ông cho rằng mình là người chồng, người cha có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, là người trải qua nhiều khó khăn trong cuộc sống, cả hai vợ chồng đều xây dựng hạnh phúc và có được tài sản hiện nay từ hai bàn tay trắng, tất cả có được ngày hôm nay đều là sự cố gắng, nỗ lực của cả hai vợ chồng, ông biết trong cuộc sống vợ chồng không khỏi có những mâu thuẫn, ông P1 thừa nhận vợ là người chịu thương, chịu khó, biết lo lắng cho chồng, cho con và tính tình rất thẳng thắn.

Về cuộc sống hôn nhân, ông P1 thừa nhận năm 1996 do thời điểm đó bà P1 đi học ngoài Hà Nội, các con còn nhỏ, hai gia đình là hàng xóm thường xuyên qua lại giúp đỡ nhau nên ông P1 có phát sinh tình cảm với một người bạn của bà P1, sự việc không gây ra hậu quả nghiêm trọng, gia đình 02 bên vẫn còn giữ gìn được hạnh phúc. Đến năm 2016, ông cũng có tình cảm với 1 người bạn (là cô A) nhưng chỉ là ông muốn giúp đỡ để cô A vượt qua gia đoạn khó khăn trong cuộc sống. Hiện nay do cha mẹ ông đã già, cần người chăm sóc, ngoài ra ông còn có người em gái có cuộc sống rất khó khăn, nên ông cũng giành nhiều thời gian để chăm sóc cha mẹ và gia đình em gái chứ không phải ông ra ngoài sống cùng người phụ nữ khác như bà P1 trình bày. Ông P1 thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân đã có những việc làm khiến bà P1 mất niềm tin về bản thân ông. Đến nay ông P1 đã 65 tuổi, mong muốn của ông chỉ đơn giản là hàn gắn tình cảm với bà P1 để cuộc sống bình yên khi tuổi già; Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Ông P1 đã được Tòa án thông báo về quyền của ông trong việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của ông và bà P1 nhưng do ông P1 không muốn ly hôn nên chưa đề cập đến việc chia tài sản chung trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bà Lê Vi P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Vi P giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Nguyễn Thuận P1 vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể chấp nhận bà Lê Vi P ly hôn với ông Nguyễn Thuận P1.

Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Vi P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thuận P1, đây là tranh chấp về ly hôn; ông P1 có nơi cư trú tại quận G, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án quận G đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Nguyễn Thuận P1 nhưng ông Thuận P1 đã vắng mặt đến lần thứ hai, bà Lê Vi P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Lê Vi P và ông Nguyễn Thuận P1.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 70; Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 1987 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Vi P và ông Nguyễn Thuận P1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai, lời trình bày của các đương sự trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa thể hiện cuộc sống giữa bà Lê Vi P và ông Nguyễn Thuận P1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã tồn tại một thời gian dài và đến nay bà P1 và ông P1 vẫn chưa giải quyết được, bà P1 cho rằng ông P1 nhiều lần vi phạm chế độ hôn nhân khi quen và yêu thương nhiều phụ nữ khác, ông Nguyễn Thuận P1 thừa nhận có phát sinh tình cảm nhưng không phải với nhiều phụ nữ mà chỉ có 02 người và cũng không gây hậu quả nghiêm trọng. Ông Nguyễn Thuận P1 thừa nhận ông đã làm bà P1 mất niềm tin vào bản thân ông. Những thừa nhận này của

các đương sự thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là nghiêm trọng và có thật. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên bà P1 hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân và cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng và tin tưởng nhau, thống nhất với nhau về quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Lê Vi P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thuận P1 là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà Lê Vi P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Vi P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Vi P được ly hôn với ông Nguyễn Thuận P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70; Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 1987 không còn hiệu lực.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà P1 phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012785 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà P1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng